

Vài kỷ niệm về

Trường Chu Văn An

Hồi ký của Nguyễn Xuân Khoan

Gia đình tôi cũng như nhiều gia đình cổ ở Bắc Việt, coi sự học quan trọng vô cùng, nên tuy giàu có, vẫn coi việc học của con cái là hệ trọng hơn cả.

Hồi năm 1950, khi Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm, tôi đang học lớp Đệ Nhất Phổ Thông (tức Đệ Thất sau này) trường Nguyễn Thượng Hiền ở Yên Mô, Ninh Bình. Thay vì chạy, thì bố tôi bắt chúng tôi phải chờ xem nhà trường tản cư đi đâu, mới được chạy. Chỉ khi biết trường dọn vào Liên khu 4, gia đình tôi mới chán nản, chạy về làng Sêu ở Hà Đông, để cho chúng tôi theo học tiếp ngay ở trung học Nguyễn Huệ.

Rồi khi thấy ngoài hậu phương không yên ổn, việc học hành của các con có thể lỡ dở, bố mẹ tôi mới tính chuyện hồi cư về Hà Nội.

Gia đình tôi về Hà Nội năm 1951 đúng vào giữa năm học, nên tôi phải đi học từ ngay ở trường Văn Lang, gần chợ Hàng Da, chờ niên học mới để xin vào trường Chu Văn An.

Lúc đó hình như trường Chu Văn An có lệ đặc cách cho các học sinh hồi cư được vào học, nên tôi được nhận vào lớp đệ lục B3, thay vì đệ ngũ. Bố tôi muốn tôi học lại một năm cho khá, vì việc học của tôi do chạy loạn bị nghỉ và chuyển trường quá nhiều, mà mất căn bản một cách khá tai hại.

Lớp 6B3 niên khóa 1952 của trường Chu Văn An, Hà Nội, năm đó có tới 4 kẻ mới hồi cư nhập học, nên phải kê hai chiếc bàn ra giữa lớp cho 4 tân binh, là tôi, Trần Dũng, Tô Viết Hải, Trần Tự Hào.

Do vậy, 4 đứa chúng tôi giao du khá thân với nhau, thường đến nhà nhau chơi.

Thời đó, phong trào học sinh chơi nhạc khá thịnh hành, nên bốn đứa chúng tôi đều sắm đàn chơi nhạc với nhau. Trong bốn đứa thì Tô Viết Hải chơi mandoline rất hay, còn ba đứa chỉ là loại tay ngang, nhưng tôi lại là đứa đi vào sáng tác.

Sau này di cư vào Nam, Tôi và Trần Tự Hào học đại học sư phạm. Hào đổi tên là Trần Châu Hồ, dạy Anh văn ở trung học Vũng Tàu, có viết tiểu thuyết. Còn Trần Dũng học Quốc Gia Hành Chính, bị mìn qua đời khi làm Phó quận ở Mộc Hóa, Kiến Hòa, lúc tôi đang dạy ở trung học Cao Lãnh Kiến Phong. Tô Viết Hải ở lại Hà Nội, không rõ ra sao?

Học sinh lớp 6B3 Chu Văn An Hà Nội cũ, khi di cư vào nam có mấy anh khá nổi tiếng là Lương Hữu Định đỗ tiến sĩ Luật, Dương Cự viết báo...

Tôi học 3 năm đệ lục, đệ ngũ và đệ tứ ở Chu Văn An Hà Nội. Đó là cả một thời niên thiếu hoa mộng, vì duy nhất đấy là thời gian tôi được chung sống với gia đình, không phải đi trọ học. Sau năm 1954 tôi bỏ nhà di cư vào Nam, phải sống một mình rất trơ trọi, nên bạn bè đối với tôi luôn là nguồn an ủi lớn cho đến nay.

Từ cuộc sống hậu phương rất khó khăn, như khi học Anh văn phải chép tay cuốn *Anglais Vivant*... thì về Hà Nội sách vở đầy đủ, được học vẽ, học nhạc rất lý thú.

Khi học vẽ với thầy Dung ở Chu Văn An, tôi còn nhớ mãi cảm giác sung sướng khi được mua một hộp bút chì màu, và một cuốn sách giấy croquis to dùng để tha hồ bôi vẽ - một điều rất không tưởng khi học ở hậu phương.

Học nhạc với thầy Hùng Lân ở dưới phòng nhạc thường là giờ giải trí, vì hát to thỏa thích trong lớp. Ngay hồi đó, anh Dương Cự đã đặt tên cho thầy Hùng Lân là Húng Lìu. Các thầy và các bạn một số thường bị đặt cho những biệt danh, là chuyện nghịch ngợm thường tình của lũ chỉ thua quý và ma.

Lúc đó trường có hai bàn ping pong ở nhà chơi, cùng lớp và chơi thân với tôi có anh Nguyễn Tuấn Phong từng là vô địch giải học sinh Hà Nội, nhưng anh lại ít chơi ở trường. Cứ đến giờ ra chơi, chúng tôi lại được xem các anh Dương, anh Đầu... đấu với nhau rất đẹp mắt. Anh Ngô Quang Vỹ thuở đó rất mê bóng bàn, thường cùng các bạn đồng học buổi chiều đến trường buổi sáng để chơi bóng bàn trong các giờ học. Tưởng cũng nên biết lúc đó là trào lưu chơi bóng bàn ở Việt Nam lên rất cao, khi danh thủ Mai Văn Hòa được liệt vào loại cao thủ hàng đầu quốc tế. Bố mẹ tôi cũng lập cho anh em chúng tôi một bàn ping pong tại nhà để chơi theo trào lưu. Anh Nguyễn Đắc Điều là bạn cùng phố, thường sang chơi bóng bàn với anh em chúng tôi, nên thân quen rất mực ngay từ thuở đó.

Các thầy dạy Việt văn các lớp đệ nhất cấp Chu Văn An Hà Nội lúc đó là thầy Tô Đáng, thầy Nguyễn Sỹ Tế, dạy Pháp văn là thầy Lê Trung Nhiên, có người em ruột là Lê Trung Hoan rất giỏi, học cùng lớp với tôi, còn người em vợ học bên 6B1. Thầy Quỳnh dạy Anh văn, thầy Nguyễn Tá dạy Toán, thầy Vĩnh dạy Vạn vật, thầy Đàm Xuân Thiệu dạy Sử, thầy Bùi Đình Tấn dạy Địa lý, thầy Vũ Lai Chương dạy Lý Hóa. Khi lên lớp Đệ tú thầy Phan Thế Roanh mới dạy Lý Hóa.

Thầy Phan Thế Roanh để lại cho tôi nhiều kỷ niệm, khi thầy thường tâm sự về việc thầy mới sáng chế ra các học cụ dạy quang học, như lấy cái gương chiếu hậu của xe hơi làm gương lồi, tráng ngay mặt sau của gương làm gương lõm. Rồi thầy dùng những thanh gỗ to như xà nhà dài ngoằng cả dầm thước có rãnh làm đường di chuyển cho các gương, xác định tiêu cự.... nên có lẽ đây là những đồ dùng dạy học giá trị được sáng chế tại Việt Nam đầu tiên? Nhờ vậy mà giờ Quang học năm đệ tú rất hấp dẫn.

Thầy Roanh tuy dạy khoa học, nhưng do thầy là con cụ danh sĩ Phan Mạnh Danh viết tác phẩm Bút Hoa, nên thầy thường ngâm thơ cho chúng tôi nghe. Câu thơ thầy Roanh thích nhất là:

'Nắng mưa thui thui quê người!'

Lúc đó tôi không thấy hay, nhưng sau này lủi thủi một mình trong Nam, không có gia đình, tôi mới cảm được cái hay của câu thơ. Đến nay thêm một lần nữa bị thui thui xứ Úc, tôi cảm thấy có lẽ do định mệnh mà câu thơ cứ theo tôi hoài?

Trường Chu Văn An ở Hà Nội do thầy Vũ Ngô Xán làm hiệu trưởng, thầy Vũ Đức Thận làm giám học, và thầy Phụng làm tổng giám thị.

Thầy Phụng thường tổ chức cho học sinh xem ciné với giá rẻ vào các buổi sáng chủ nhật tại rạp Kinh Đô. Vé hạng bét lúc đó là 10 đồng, thì thầy bán vé đồng hạng 4 đồng, ai đến sớm được ngồi tuốt lên các hạng trên rất khoái, nên tuần nào học sinh cũng mua hết vé đi xem chật rạp.

Vào năm 1953, trường Chu Văn An Hà Nội có tổ chức làm đặc san Tre Xanh, do thầy Nguyễn Tường Phụng và thầy Nguyễn Sỹ Tế cố vấn. Tôi viết truyện ngắn Học Chạc được chọn đăng, rất thú vị khi đến chơi nhà anh bạn Lê Vy được mấy bà chị của anh đang học các lớp trên coi mặt tròn méo ra sao. Vì tôi là học sinh đệ nhất cấp duy nhất có bài đăng, trong khi các bài còn lại đều do các anh học đệ nhị cấp viết. Hồi năm 1982 ra Hà Nội đến thăm trường Chu Văn An, tôi thấy tờ đặc san Tre Xanh trưng bày trang trọng ở phòng truyền thống.

Trong hai năm cuối ở Hà Nội, khi học lớp đệ ngũ và đệ tú Chu Văn An, nhóm chúng tôi bắt đầu trở mã, cùng nhau tập tậ ráo riết, nên ai nấy ngực nở vai to, mặc sơ mi ngắn tay còn vén gấu để lộ bắp thịt, được mấy cô nữ sinh Trưng Vương cùng tuổi gần nhà nhìn ngắm bằng những cặp mắt thiện cảm, khiến tôi có thi húng làm thơ tả tình với cô nữ sinh Trưng Vương xế cửa nhà:

*'Ta và nàng cách nhau hai khung cửa
Một con đường và lối phố buồn tên'*

*'Mỗi buổi chiều khi nắng ngả chênh chênh
'Tay che mắt, ta nhìn nàng e thẹn.*

*'Thấy ta nhìn, nàng mỉm cười bên lên
'Môi nàng hồng, da nàng trắng, tóc nàng đen
'Chẳng hiểu sao qua dáng nghiêng nghiêng
'Ta đọc được những cảm tình triu mến.*

*'Rồi từ đấy cả hai tay xao xuyến
'Tuy cách nhau cả một con đường
'Chẳng thể nào gần gũi thân thương
'Ta vẫn gửi, nàng vẫn trao bằng ánh mắt*

*'Mỗi cái nhìn là một bàn tay ve vuốt
'Mỗi nụ cười là hẹn ước duyên ngâu
'Chuyện trăm năm Ô Thước bắc cầu
'Hai đứa sẽ bên nhau thắm thiết.
'Thời gian trôi, năm tàn, tháng hết
'Những bức tường dần loang vết rêu xanh
'Tình theo mây theo gió lung linh
'Hai khung cửa mở ra như không cánh.*

*'Mây thu bơ bơ, chiều nay trở lạnh
'Xa nhau một con đường, mà sao như sát cạnh
'Ta nhìn sang, mắt nàng không tránh
'Sung sướng, ta hôn nàng bằng trận gió vàng hanh.*

Tình yêu thời học trò thuở đó ở Hà Nội thật thơ mộng và bay bướm, chịu ảnh hưởng của những bài thơ văn mới thời Tự Lực Văn Đoàn, nên hướng thượng thanh cao. Yêu chỉ để mà yêu, từ xa xa nhìn thấy nhau mỗi ngày đã là sung sướng, nếu gặp một ánh mắt nhìn đáp lại thì hạnh phúc vô vàn!

Bài thơ tình trên đã giúp tôi, khi sau năm 1980 đi cải tạo về, một tên công an cấp thành phố thẩm vấn tôi tại sao năm 1954 bỏ nhà đi một mình, phải chăng là chán ghét chế độ?

Tôi nhanh trí nhớ lại bài thơ đọc cho tên cán bộ nghe, nói là do người đẹp trước cửa di cư, nên tôi mê nàng bỏ nhà đi theo. Nhờ vậy mà tôi không bị quay quắt làm khó dễ gì nữa.

Thực tế hồi tản cư, phải trọ học từ những năm học tiểu học, tôi có dịp lân la với bọn Việt cộng nhiều,

thấy rõ những gian dối độc ác của chúng, nên cao bay xa chạy.

Cụ thể như khi tản cư, biết nhà tôi giàu có, VC bắt mẹ tôi phải làm mẹ nuôi một đại đội võ trang tuyên truyền của tỉnh Nam Định. Cứ mỗi khi không phải đi công tác, đại đội này lại kéo về nhà mẹ nuôi dưỡng quân, phải giết bò mổ heo khao quân. Một Trung đội trưởng là anh Cao Đồi người cao to, diễn kịch thơ rất hay, thường dẫn tôi đi theo khi tổ chức các buổi mít tinh. Anh Cao Đồi bố trí cất đặt sẵn những người đặt câu hỏi, vỗ tay, soạn sẵn những câu trả lời, giúp các buổi học tập sinh động thay vì ỉu xiu. Đó cũng là lý do ai nấy thấy mấy anh du kích xã rằng đen mã tấu, tự nhiên ăn nói giỏi khác thường!

Một lần học ở trung học Nguyễn Huệ, Hà Đông, tôi theo các bạn lên Tế Tiêu xem tòa án quân sự VC xử Việt gian. Chánh án là Vũ Ngọc Chất có khuôn mặt trắng trẻo trí thức, nhưng lạnh như tiền. Luật sư biện hộ là Nguyễn Mạnh Tường. Mặc dầu ông Nguyễn Mạnh Tường biện hộ rất hay, nhưng cả 7 tội nhân đều bị tử hình với tội làm hội tề giúp Pháp truy bắt các du kích quân. Người lớn tuổi nhất là một ông chánh tổng, người nhỏ nhất là một học sinh mới mười sáu tuổi.

Ngay sau phiên xử buổi sáng, buổi trưa các tử tội được cho ăn mấy cái bánh lá, rồi đưa ra pháp trường xử bắn. Tôi thấy tử tội nhỏ tuổi nhất sợ hãi quỳ trước khi có tiếng súng nổ, nên thay vì các viên đạn trúng ngực đã trúng mặt, khiến đầu bị bắn nát bét tung tóe máu với óc trắng bầy hầy, trông rất kinh hoàng!

Tôi là kẻ mang số thứ tự 72 ở Ấu Trĩ Viên Hà Nội, khi trốn nhà một mình di cư vào nam. Mẹ tôi có vào Sài Gòn gọi tôi về, nhưng tôi chán bọn Việt Cộng nên không chịu về. Mẹ tôi thấy vậy đã cho anh tôi mới đỗ xong Tú tài 2 vào nam sau tôi, mang theo một số tiền khá lớn để anh em ăn học.

Tuy nhiên anh tôi vào đại học xá, còn tôi đến sống với vài người bà con ít ngày, cho đến khi gia đình

anh Nguyễn Đắc Điều vào nam, tôi đến trú ngụ nhà anh mấy năm, cùng nhau học hành đỗ đạt.

Khi anh Điều đỗ bằng Trung học Đệ nhất cấp, tôi được cùng anh ra Long Hải nghỉ mát một tháng. Dịp này tôi có soạn được bản nhạc Chiều Long Hải. Trước đó, khi anh Cung Tiến học trên tôi một lớp ở Chu Văn An nổi tiếng với bản Thu Vàng, tôi cũng có soạn 2 bản nhạc Đất Miền Tự Do và U Hồn được hai danh ca Minh Trang và Anh Ngọc hát trên chương trình Tao Đàn do thi sĩ Đinh Hùng phụ trách. Chính anh Điều khuyên tôi từ bỏ khả năng văn nghệ rán học hành, vì cho rằng tôi nên làm một trí thức hơn làm một nghệ sĩ. Hoặc đối để ra thì cũng nên là một anh trí thức soạn nhạc giải trí với đời, hơn là kiếm sống bằng nghệ thuật, thường rất khó khăn và lông bông.

Khi mới di cư vào nam, các giáo sư Chu Văn An và Trưng Vương có tổ chức các lớp ôn tập tại trường Gia Long. Tôi và cô hàng xóm trước của cùng học một lớp. Và tôi mắc cỡ khi trong giờ học đầu tiên, thầy Nguyễn Sỹ Tế giới thiệu tôi là một học trò của thầy, viết văn làm thơ...

Do tôi là kẻ di cư đầu tiên vào nam sớm nhất, nên được chứng kiến cảnh giáo sư, sinh viên, học sinh Hà Nội mới di cư, buổi đầu được bố trí ở Nhà Hát Thành Phố, ở khu đất khảm lớn mới phá, sau là trường Đại học Văn Khoa, ở khu Phú Thọ lầu.

Có thể nói lớp sinh viên học sinh di cư thời đó về sau đều học hành thành đạt, trở thành những quân cán chính cốt cán, đóng góp nhiều công sức trong công cuộc chống cộng ở miền Nam và cả hải ngoại hiện nay.

Năm đầu tôi học lớp Đệ tam B1, có các bạn cũ cùng lớp từ Hà Nội là các anh Lương Hữu Định, Dương Cự... Bạn mới có các anh Nguyễn Bát Tuấn, Nguyễn Song Thuận, Lê Minh Quang, Đặng Hữu Châu, Lai, Khôi, Sơn...

Anh Nguyễn Bát Tuấn có tiếng nói rất lớn, rất giỏi toán, nhưng nghịch thì ít ai bằng. Sau anh dạy toán nổi tiếng ở Sài Gòn, tôi có dạy song song một số lớp với anh ở trường Hưng Đạo. Qua Úc được gặp lại anh, nay anh đã trở thành một trong mấy bậc trưởng thượng của Chu Văn An hải ngoại. Tôi

còn nhớ hồi cùng học ở Chu Văn An, thấy tôi gầy nhom anh đặt cho tôi biệt danh là 'Con trai cụ Vũ Hoàng Chương'.

Trường Chu Văn An khi mới di cư phải học nhờ buổi chiều ở trường Petrus Ký, năm sau mới dọn sang khu cơ sở đại học sư phạm, sau khi quân đội Bình Xuyên chiếm đóng bị đánh thua phải chạy ra Rừng Sát.

Thầy Vũ Ngô Xán vẫn làm hiệu trưởng, thầy Vũ Đức Thận vẫn làm giám học, nhưng thầy tổng giám thị mới là thầy Lãng rất tích cực lo mọi chuyện trong trường.

Chính thầy Lãng đã tổ chức cho trường một chuyến du lịch qua Miền thăm Đế Thiên & Đế Thích. Tôi cùng anh Nguyễn Đắc Điều được đi chung với các thầy Tấn, thầy Quỳnh. Trên đường đi, thầy Tấn rất am hiểu về địa lý, dẫn giải cho chúng tôi nghe về các danh lam thắng cảnh từ Nam Vang đến Siem Riep. Trong chuyến đi có cả phóng viên điện ảnh VNCH, nên được quay phim chiếu trong phần phim thời sự của các rạp ciné lúc đó. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm cũng đi, đã chụp cho chúng tôi những bức hình kỷ niệm đẹp như hình triển lãm nghệ thuật.

Ngay năm đầu vào Nam, trường tổ chức các đêm canh thức cuối tuần cho đồng bào mới di cư ở khu trường đua Phú Thọ, vì có bọn Việt Cộng nằm vùng đi đốt nhà đồng bào. Chúng tôi hằng hái thức cả đêm đi tới đi lui canh gác không biết mệt.

Khi nghe tin tướng VC Văn Tiến Dũng ở khách sạn Majestic, chúng tôi liền kéo nhau đi uýnh. Vụ này khiến anh Vũ Trọng Ứng bị lựu đạn nổ mù một mắt. Anh Ứng sau học cao đẳng sư phạm, có dạy Anh văn với tôi ở trường trung học Cao Lãnh, tỉnh Kiến Phong một thời gian. Sau anh về Sài Gòn, viết văn và dịch thuật với bút hiệu Hoàng Ung trên tạp chí Văn, Văn Học... rồi cùng tôi hợp tác với Tạp chí Phát Triển Văn Hóa của Luật sư Cung Đình Thanh. Luật sư Thanh là một cựu học sinh trường Buổi, nay cư trú tại Sydney, chủ trương tập san Tư Tưởng và Tủ sách Nghiên Cứu Việt Học, thể hiện tinh thần truyền thống về giáo dục của cụ Chu Văn An rất cao đẹp. Cũng từ sự

khuyến khích của Luật sư Thanh mà tôi khởi thảo cuốn Kinh Thư Việt Nam, có nội dung phân tích các tư tưởng cao siêu ẩn tàng trong kho cổ tích cổ sự của người bình dân Việt Nam từ thời Hùng Vương.

Tại Chu Văn An Sài Gòn, tôi được học Việt văn các thầy Trần Trọng San, Vũ Hoàng Chương, Pháp văn thầy Nguyễn Đình Ý, Toán thầy Đặng Văn Nhân, Đào Văn Dương, Lý hóa thầy Lê Văn Lâm, Anh văn thầy Nguyễn Văn Lộc, Sử thầy Đàm Xuân Thiều, thầy Vũ Khắc Khoan, Địa thầy Bùi Đình Tấn...

Tôi còn nhớ năm học đệ nhị toán, khi giảng tới phần đạo hàm, thầy Dương bảo là thầy bắt đầu đi vào sa mạc, ai muốn nghe hay không tùy ý. Còn thầy Ý bị mấy anh ở các lớp đệ tam đặt biệt danh Tư Húi vì cho rằng thầy giống thợ húi tóc ở nhà quê. Điều này tôi thấy không đúng, vì thầy có bàn tay trắng trẻo rất đẹp, giọng thầy giảng bài nhỏ nhẹ khi đọc văn thơ Pháp, nghe rất mùi. Thầy Lộc cũng bị gán cho hình ảnh nhân vật Scrooge trong cuốn Christmas Carol thầy dùng để giảng cho chúng tôi suốt năm học. Trong khi một thầy giám thị bị gán cho tên nhân vật Marley cũng trong tác phẩm trên.

Do không có gia đình, tôi sống lang thang mà quen được với nhiều anh bạn lớp dưới như Nguyễn Tấn Khang, Lương Ngọc Hồ, Nguyễn Đức Năng... đều là những nhân vật nổi tiếng từ ghế nhà trường đến cuộc đời về sau.

Anh Khang là anh ruột của hai bác sĩ Nguyễn Quốc Quân và Nguyễn Đan Quế. Tôi thường đến nhà anh Khang chơi nên thấy anh Quế học y khoa rất kỳ khu, khi anh chép các danh từ khoa học ngoại ngữ như kiểu chép phạt cho nhớ. Khi anh Quế thành lập phong trào Nhân Bản đấu tranh chống cộng ngay trong nước, hồi đầu thập niên 80, anh biết tôi thường ra bắc thăm gia đình, đã nhờ tôi liên lạc với nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, như Văn Cao, Trần Dần... nhưng mới bắt được liên lạc lần đầu trở về Nam, thì anh Quế bị bắt. Từ trong tù, anh nhắn tôi chuồn mau ra nước ngoài. Hồi năm 1997 tôi có qua Mỹ gặp bác sĩ Nguyễn Quốc Quân, được bác sĩ Quân mời tường trình về

hoạt động đấu tranh của bác sĩ Quế và cao trào Nhân Bản trong nước, mà tôi có tham gia biết được một số điều. Tôi xem lá số tử vi của bác sĩ Quế, thấy cung ách có bộ sao Tú Linh, nên bọn VC dù có tù đầy giam giữ, mệnh của bác sĩ Quế vẫn bình chân như vại, đúng như những gì đã xảy ra với bác sĩ Quế mấy chục năm qua.

Lúc đó mới di cư, nhà của đa số chật chội, nên một số đứa trong chúng tôi thường phải đến trường học thi vào ban đêm. Để chống muỗi, chúng tôi phải trùm áo mưa kín mít, chỉ lộ hai con mắt ra mà thôi. Học hành tuy gian nan, nhưng nhờ vậy mà những năm tháng về sau được nhàn nhã, sung sướng không biết bao nhiêu mà kể.

Thời đó mảnh bằng tú tài vô cùng quan trọng. Có cái bằng Tú tài 1 là đã khảm khá, có thể đi lục tỉnh dạy tư. Đỗ được bằng Tú tài 2 là con đường hoàn lộ rộng mở thênh thang trước trước mặt. Các trường Y khoa, Dược khoa, Luật khoa, Văn khoa đều không phải thi tuyển, tha hồ ghi tên học vài nơi cùng lúc. Duy hai trường Đại học sư phạm và Quốc gia hành chánh mới phải qua thi tuyển vì có học bổng. Tôi đang dạy tư ngon trớn ở các trường Tân Dân Bến Tre, Phụ Huynh Học Sinh ở Sóc Trăng, anh Nguyễn Khắc Ngừ cũng dạy tư từ Phan Rang về rủ tôi ghi tên thi, làm hồ sơ ghi luôn tên hộ tôi. Cũng chính anh Ngừ báo cho tôi biết tôi đã thi đỗ khá cao, khuyên tôi đi dạy công lập an nhàn và có tương lai hơn dạy tư ở lục tỉnh.

Tôi có khả năng và cái duyên dạy học khá đặc biệt, nên hồi mới di cư, tôi đăng báo dạy kèm, được ngay ông Chủ tịch nghiệp đoàn Lao Động Lê Đình Cù thuê dạy lần lượt hai người con trai thi vào đệ thất Petrus Ký. Tôi dạy đỗ cả hai, nên trở thành gia sư hai năm liền một nơi, kiếm tiền ổn định.

Khi mới đỗ tú tài 1, tôi lại được ngay ông Nguyễn Văn Phước, giám học trường tư thực Tân Dân ở nhà thờ Bến Tre mời dạy Việt Văn, nên tôi phải xin với thầy giám thị Lan, thân phụ của anh Diễm học cùng lớp, cho nghỉ mỗi tuần mấy ngày để đi xuống Bến Tre dạy. Thầy Lan biết tôi di cư một mình phải tự lo nuôi thân, nên thông cảm, cuối năm vẫn làm hồ sơ cho tôi đi thi. Do không được

học đầy đủ, tôi đành chuyển qua thi văn bằng tú tài 2 ban A, tục gọi là tú tài cours, chỉ cần thuộc cours cũng có thể thi đỗ. Kể ra cũng còn nhờ một phần có tài vật về văn chương, tôi thi đỗ các bằng Tú tài 1, Tú tài 2, Đại học sư phạm đều nhờ ở các bài luận Việt văn và luận Triết điểm rất cao, gỡ cho điểm toán...

Hai mươi năm ở hải ngoại, ba lần từ Úc đi lòng vòng bên Âu Mỹ, tôi gặp lại khá nhiều bạn bè Chu Văn An cũ, từ hồi Hà Nội đến Sài Gòn. Ai nấy đều thành công khi làm lại cuộc đời ở Mỹ, ở Canada, ở Úc, ở Pháp... khi chẳng những bản thân ung ung tự tại nhà cao cửa rộng, xe Mercedes... mà con cái học hành còn thành đạt lớn lao vang dội. Tôi cảm nhận sự di truyền được hun đúc từ các nhà trường miền nam sau năm 1954, đã tạo nên truyền